TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2024/DS-PT
Ngày: 07-3-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay, hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tặng.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

Ông Lê Khắc Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Võ Thị Trang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 21/12/2023; ngày 21/02/2024 và ngày 07/3/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 280/2023/TLPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay, hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 46/2023/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 441/2023/QĐ-PT ngày 22 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Bé T, sinh năm 1977; Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo hợp pháp của bà Bé T1: Anh Nguyễn Phước T2, sinh năm 1990. Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 03/10/2023.

Địa chỉ: Số C, khóm T, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Chị Trương Thị Kim N, sinh năm 1992;

Người đại diện hợp pháp của chị N: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1968

(chồng chị N). Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 04/12/2023.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1968 (chồng chị N);

Cùng địa chỉ: E, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Chị Võ Thị Bé T và chị Trương Thị Kim N là nguyên đơn và bị đơn.

Anh K có mặt tại phiên tòa. Anh T2 có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Chị Võ Thị Bé T ủy quyền cho anh Nguyễn Phước T2 trình bày:

Nguyên trước đây chị B T và chị N có quen biết với nhau thông qua người bạn tên G, biết chị B T có làm chủ hụi nên chị N có tham gia hụi do chị Bé T làm chủ hụi. Trong quá trình tham gia hụi chị N đã hốt hụi nhưng sau đó không đóng hụi chết cho chị Bé T, nên ngày 07/4/2022 chị N viết giấy xác nhận nợ chị Bé T số tiền là 155.000.000 đồng. Ngoài ra hai bên còn viết giấy nhận nợ ngày 14/11/2021 thể hiện chị N có mượn của chị B T số tiền 200.000.000 đồng, mặc dù số nợ chưa đến 200.000.000 đồng nhưng hai bên thống nhất ghi tròn 200.000.000 đồng. Sau đó chị N góp trả dần số tiền nợ 155.000.000 đồng cho chị T, đến ngày 02/6/2022 còn nợ là 110.000.000 đồng. Tiếp đến ngày 7/6/2022 chị N hốt một phần hụi loại 100.000 đồng/1 ngày, dây hụi này có 40 phần (40 ngày), chị N đã đóng được 6 lần thì hốt. Từ khi hốt hụi xong thì chị N không đóng hụi chết cho chị T, tính đến ngày kết thúc dây hụi chị N còn nợ số tiền là 3.400.000 đồng. Ngày 09/06/2022 chị N hốt một phần hụi loại hụi 200.000 đồng/1 ngày, hụi có 40 phần (40 ngày), chị N đã đóng được 4 lần thì hốt. Từ khi hốt hụi xong thì chị N không đóng hụi chết cho chị T, tính đến ngày kết thúc dây hụi chị N còn nợ số tiền là 7.200.000 đồng. Ngày 30/06/2022 chị N tiếp tục hốt một phần hụi loại hụi 200.000 đồng/1 ngày, hụi có 40 phần (40 ngày), chị N đóng được 10 lần thì hốt. Từ khi hốt hụi xong thì chị N không đóng hụi chết cho chị T, tính đến ngày kết thúc dây hụi chị N còn nợ số tiền là 6.000.000 đồng. Tổng công tiền hụi cũ và mới chị N còn nợ là: 110.000.000 đồng + 3.400.000 đồng + 7.200.000 đồng + 6.000.000 đồng =126.600.000 đồng.

Ngoài ra, chị N còn vay tiền chị B T số tiền 60.000.000 đồng chưa trả, cụ thể: ngày 09/05/2022 chị N vay số tiền là 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, để làm ăn, hẹn trong vòng 4 tháng sẽ trả lại nhưng đến nay chưa trả. Ngày 20/05/2022 chị N tiếp tục đến nhà chị B T để mượn số tiền là 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, để làm ăn, hẹn trong vòng 4 tháng sẽ trả lại nhưng đến nay cũng chưa trả. Nay chị Bé T yêu cầu chị N và chồng là anh K liên đới trả số tiền còn nợ chị B T tổng cộng là 186.600.000 đồng (Một trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm ngàn đồng), không yêu cầu tính lãi.

- *Chị Trương Thị Kim N ủy quyền cho anh Nguyễn Văn K trình bày:*

Tại phiên tòa anh K đại diện theo ủy quyền của chị Trương Thị Kim N xác định chị N không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Bé T về việc yêu cầu chị N trả tổng số tiền 186.600.000 đồng. Anh K đề nghị nguyên đơn căn cứ theo Nghị định số 19/2019/NĐ-CP của Chính phủ cung cấp văn bản điều lệ tham gia hụi có đầy đủ chữ ký của các thành viên và căn cứ Điều 15, Điều 17 Nghị định 19 yêu cầu nguyên đơn cung cấp bản photo sổ ghi hụi liên quan đến chị N từ thời điểm bắt đầu đến kết thúc trong quá trình giao dịch hụi. Đối với số tiền vay 60.000.000 đồng, tại phiên tòa anh K trình bày chị N có nói với anh K rằng có vay tiền của chị B T nhưng vay để đóng hụi cho chị B T và phải chịu lãi suất 10.000 đồng/1 triệu đồng/ngày. Anh K cho rằng chị N có tiền sử bệnh trầm cảm nên bị chị T dùng áp lực nên phải nghe theo, ngoài ra chị N còn nói cho anh K biết là chị T có đưa cho chị ký tên vào một số tờ giấy trắng không ghi nội dung. Trước đây anh K từng nộp đơn yêu cầu tuyên bố chị N hạn chế năng lực hành vi dân sự nhưng sau đó anh đã rút đơn yêu cầu. Tại phiên tòa anh K xác định không có yêu cầu về việc tuyên bố chị N hạn chế năng lực hành vi dân sự. Ngoài ra, tại phiên tòa anh K nộp bảng kê chi tiết số tiền hụi đã nhận, đã nộp năm 2022, theo giải thích của anh K tại phiên tòa thì tại cột 4 tiêu đề "còn nợ" thể hiện tổng số nợ là 172.600.000 đồng, tuy nhiên đã bao gồm số tiền cấn trừ (cột 5) là 74.000.000 đồng, do đó tổng thực nợ là 172.600.000 đồng – 74.000.000 đồng = 98.600.000 đồng. Anh K xác nhận anh lập bảng kê này dựa trên số liệu chị N cung cấp và theo bảng kê thì chị N còn nợ chị Bé T 98.600.000 đồng, số tiền nợ này chị N có trả cho chị T chưa thì anh không xác định được, chị N có nói đã trả dần tiếp tục nhưng không nhớ bao nhiêu và không có số liệu nên anh K không thể liệt kê vào

bảng kê. Tại phiên tòa anh K khẳng định chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảng kê của mình đã cung cấp cho Hội đồng xét xử. Anh K cho rằng giao dịch mà chị N và chị T thực hiện là việc cho vay lãi cao chứ không phải giao dịch hụi, từ đó với tư cách đại diện theo ủy quyền cũa chị N anh K không đồng ý trả bất kỳ số tiền nào cho chị T.

- *Anh Nguyễn Văn K trình bày:*

Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc anh K liên đới với chị N trả nợ thì anh K không đồng ý, vì anh K không biết gì về việc chị N vay tiền và tham gia hụi do chị Bé T làm chủ. Anh K không lệ thuộc kinh tế từ chị N mà ngược lại mỗi năm anh K đều cung cấp cho chị N từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng để chị N kinh doanh.

Tại Bản án sơ thẩm số 46/2023/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Bé T đối với chị Trương Thị Kim N và anh Nguyễn Văn K về việc yêu cầu trả số tiền nợ hụi và nợ vay. Buộc chị Trương Thị Kim N phải trả cho chị Võ Thị Bé T số tiền nợ từ việc giao dịch hụi là 98.600.000 đồng và nợ vay 60.000.000 đồng, tổng cộng là 158.600.000 đồng *(Một trăm năm mươi tám triệu, sáu trăm nghìn đồng).*

Không chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Bé T về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn K liên đới trả nợ cho chị Võ Thị Bé T.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 27/8/2023, chị Võ Thị Bé T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, buộc chị Trương Thị Kim N phải trả cho chị B T số tiền nợ hụi và tiền vay tổng cộng là 186.600.000 đồng.

Ngày 25/8/2023, chị Trương Thị Kim N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, chị N không đồng ý trả số tiền vay 60.000.000 đồng và tiền hụi 98.600.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Triều đại d cho chị Bé T thống nhất số tiền lãi chị Bé T đã nhận 60.000.000 đồng trừ vào số tiền chị N vay 60.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán về Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật về đề xuất hướng giải quyết là chấp nhận một phần kháng cáo của chị Võ Thị Bích T về chị Trương Thị Kim N, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo chị Võ Thị Bích T khai, chị Bích T có làm chủ hụi chị N có tham gia chơi nhiều dây hụi. Ngày 14/11/2021 tính tốn sổ sách thì chị N còn nợ số tiền chưa đến 200.000.000 đồng, chị N có kêu tên vào giấy nợ chị Bích T 200.000.000 đồng. Sau đó, chị N có trả dần đến ngày 02/6/2022 còn, chị N còn nợ chị Bích T số tiền hụi 110.000.000 đồng, chị N có viết vào giấy theo đòi tiền nợ do chị Bích T lập ngày 07/4/2022. Ngồi ra, chị N còn tham gia cho 03 dây hụi 20.000 đồng/ngày, do chị Bích T làm chủ, chị N đã thốt hụi xong, nhưng không đóng hụi đầy đủ còn nợ cụ thể như sau: Dây hụi ngày 07/6/2022 còn, còn nợ 3.400.000 đồng, dây hụi ngày 09/6/2022 còn, còn nợ 7.200.000 đồng và dây hụi ngày 30/6/2022 còn còn nợ 6.000.000 đồng, tổng cộng 03 dây hụi chị N còn nợ 16.600.000 đồng. Tổng cộng chị N nợ tiền hụi 126.600.000 đồng, chị Bích T yêu cầu chị N trả số tiền 126.600.000 đồng.

[2] Anh Nguyễn Văn K thừa nhận chị N vợ của anh K có tham gia chơi hụi do chị Bích T làm chủ cụ thể:

1. Dây hụi ngày 13/01/2022 còn, hụi 20.000 đ01 phần/ ngày, hụi có bao nhiêu phần không rõ, chị N chơi 25 phần, chu kỳ mãn hụi là 40 ngày. Chị

Bí T cĩ giao cho chị N 17.100.000 đồ ng. Chị N phả i trả cho chị B1 T 20.000.000 đồ ng, (thự c chấ t đây là tiề n vay), chị N đã gĩp đư ợ c 12.000.000 đồ ng, cịn nợ 8.000.000 đồ ng.

2. Dy hụ i ngy 07/02/2022^l, hụ i 20.000 đ01 phầ n/ ngy, hụ i cĩ bao nhĩu phầ n khơng rõ, chị N chơ i 50 phầ n, chu kỳ mỗn hụ i là 40 ngy. Chị Bí T cĩ giao cho chị N 34.200.000 đồ ng (thự c tế nhậ n 26.200.000 đồ ng), mỗ i ngy gĩp 1.000.000 đồ ng, chị N gĩp đư ợ c 23 ngy số tiề n 23.000.000 đồ ng, cịn nợ 17.000.000 đồ ng.

3. Dy hụ i ngy 01/3/2022^l, hụ i 20.000 đ01 phầ n/ ngy, hụ i cĩ bao nhĩu phầ n khơng rõ, chị N chơ i 50 phầ n, chu kỳ mỗn hụ i là 40 ngy. Chị Bí T cĩ giao cho chị N 34.200.000 đồ ng (thự c tế nhậ n 17.200.000 đồ ng), mỗ i ngy gĩp 1.000.000 đồ ng, chị N gĩp đư ợ c 15 ngy số tiề n 15.000.000 đồ ng, cịn nợ 25.000.000 đồ ng.

4. Dy hụ i ngy 01/02/2022^l, hụ i 20.000 đ01 phầ n/ ngy, hụ i cĩ bao nhĩu phầ n khơng rõ, chị N tham gia cho 70 phầ n, chu kỳ mỗn hụ i là 40 ngy dứ t để m, mỗ i ngy gĩp 1.400.000 đồ ng. Chị Bí T cĩ giao cho chị N 47.880.000 đồ ng, chị N gĩp đư ợ c 20 ngy số tiề n 28.000.000 đồ ng, cịn nợ 28.000.000 đồ ng.

5. Dy hụ i ngy 22/02/2022^l, hụ i 20.000 đ01 phầ n/ ngy, hụ i cĩ bao nhĩu phầ n khơng rõ, chị N tham gia chơ i 70 phầ n, chu kỳ mỗn hụ i là 40 ngy dứ t để m, mỗ i ngy gĩp 1.400.000 đồ ng. Chị Bí T cĩ giao cho chị N 47.880.000 đồ ng (thự c chấ t nhậ n 19.880.000 đồ ng), chị N gĩp đư ợ c 16 ngy, số tiề n 22.400.000 đồ ng, cịn nợ 33.600.000 đồ ng.

6. Dy hụ i ngy 11/02/2022^l, hụ i 20.000 đ01 phầ n/ ngy, hụ i cĩ bao nhĩu phầ n khơng rõ, chị N tham gia chơ i 50 phầ n, chu kỳ mỗn hụ i là 40 ngy dứ t để m, mỗ i ngy gĩp 1.000.000 đồ ng. Chị Bí T cĩ giao cho chị N 34.200.000 đồ ng, chị N gĩp đư ợ c 19 ngy số tiề n 19.000.000 đồ ng, cịn nợ 21.000.000 đồ ng.

7. Dy hụ i ngy 01/3/2022^l, hụ i 20.000 đ01 phầ n/ ngy, hụ i cĩ bao nhĩu phầ n khơng r, chị N tham gia chơ i 50 phầ n, khơng r thờ i gian mn hụ i. Chị B T cĩ giao cho chị N 34.200.000 đồ ng (thự c tế nhậ n 13.200.000 đồ ng), chị N gĩp như ng khơng nhớ đư ợ c bao nhĩu ngy.

[3] Tuy nhĩn, theo anh K thự c tế ^dy l tiề n vay trả gĩp v chị N khơng cịn nợ tiề n chị B T.

[4] Xt thấ y, về phía chị B T mặ c đ khơng cĩ sổ sch theo đi việ c chơ i hụ i. Tuy nhĩn, theo giấ y nợ ngy 14/11/2021 thì chị N cĩ mư ợ n củ a chị B T 200.000.000 đồ ng chị N cĩ kĩ tn cuố i giấ y nợ v theo giấ y theo đi nợ do chị B T lậ p ngy 07/4/2022, thì chị N cĩ ghi 02 dịng chữ "cịn nợ 110.000.000 đồ ng, ngy mng 2 thng 6^l". Đ iề u đ, chứ ng tỏ đế n ngy 02/6^l, chị N cịn nợ chị B T 110.000.000 đồ ng.

[5] Đ ố i vớ i ốc đy hụ i ngy 07/6/2022^l, đy hụ i ngy 09/6/2022^l v đy hụ i ngy 30/6/2022^l, đư ợ c mở hụ i sau ngy 02/6^l, như ng về phía chị N khơng thừ a nhậ n cĩ tham gia chơ i hụ i, chị B T khơng cĩ chứ ng cứ chứ ng minh, nn khơng đ cơ sở buộ c chị N trả cho chị B1 T số tiề n 16.600.000 đồ ng.

[6] Về phía anh K cĩ cung cấ p bả ng k chi tiế t số tiề n hụ i đnhậ n ngy 22/11/2022, như ng bả ng k l do anh K tự lậ p khơng cĩ xc nhậ n củ a chị B1 T v chị B1 T khơng thừ a nhậ n, anh K khơng cĩ chứ ng cứ chứ ng minh số tiề n chị N đnhậ n cũ ng như đtrả cho chị B1 T, nn trình by củ a anh K l khơng cĩ cơ sở .

[7] Về số tiề n vay, anh K thừ a nhậ n chị N cĩ vay củ a chị B1 T số tiề n 30.000.000 đồ ng v cĩ đng li đư ợ c số tiề n 18.000.000 đồ ng. Về phía chị B T cho rằ ng, chị B T cho chị N vay 03 lầ n số tiề n 60.000.000 đồ ng v chị N cĩ đng li đư ợ c số tiề n 12.000.000 đồ ng. Xt thấ y, mặ c đ chị B T cũ ng khơng cĩ giấ y tờ chứ ng minh l cho chị N vay số tiề n 60.000.000 đồ ng. Tuy nhĩn, tạ i bn bả n hịa giả i ngy

10/7/2023, anh K thừa nhận chị N cĩ vay của chị B1 T số tiền 60.000.000 đồng là để đưng hụ i cho chị B1 T, nhưng anh K (chị N) khơng cĩ chứng cứ chứng minh số tiền 60.000.000 đồng là đưng hụ i cho chị B1 T, nĩn việc chị B1 T yu cầu chị N trả 60.000.000 đồng tiền vay là cĩ cơ sở. Đối với số tiền lãi chị N trình bầy đưng lãi đư ợc số tiền 36.000.000 đồng cho chu của chị B1 T nhận, về phía chị B T thừa nhận cĩ nhận lãi số tiền 12.000.000 đồng, chị N cũng khơng cĩ chứng cứ chứng minh đưng lãi đư ợc số tiền 36.000.000 đồng. Tại phĩn tịa phc thẩm, ngư ời đại diện của chị B1 T thống nhất trừ số tiền 12.000.000 đồng vo vốn vay về yu cầu chị N trả số tiền 48.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật, nĩn Hội đồng xt xử chấp nhận một phần kháng cáo của chị N về chấp nhận một phần kháng cáo của chị B T.

[8] Đối với yu cầu gim định của anh K, tại phĩn tịa phc thẩm, ngày 21/12/2023 anh K là ngư ời đại diện hợp pháp của chị N đề nghị Hội đồng xt xử trưng cầu gim định chữ viết về chữ kí của chị N tại giấy mư ợn nợ ngày 14/11/2021 về giấy theo đi nợ ngày 07/4/2022, Hội đồng xt xử tạm ngưng phĩn tịa để thực hiện việc gim định. Tại đơn yu cầu gim định ngày 21/12/2023, anh K cam kết đến ngày 28/12/2023, anh K cung cấp cc chữ kí, chữ viết của chị N để làm mẫu so snh về nộp chi phí gim định, đến ngày 28/12/2023 khơng nộp cc tài liệu về chi phí gim định thì anh K thống nhất từ bỏ việc gim định về tại phĩn tịa hơm nay xc định là khơng cĩ yu cầu gim định, nĩn Hội đồng xt xử xem xt giải quyết vụ n theo quy định của pháp luật.

[9] Xt, đề nghị của đại diện Viện kiểm st nhn dn tỉnh Đồng Tháp là cĩ căn cứ, nĩn Hội đồng xt xử chấp nhận.

[10] Từ những cơ sở trn, Hội đồng xt xử chấp nhận một phần kháng cáo của chị V Thị B T. Chấp nhận một phần kháng cáo của chị

Trương Thị Kim N, sửa bản án sơ thẩm.

[11] Do sửa bản án sơ thẩm, nên chị Bé T và chị N không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo khoản 2, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

[12] Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều Điều 463, 466, 468 và Điều 471 của Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2, Điều 148; Khoản 2, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 7, Điều 8, Điều 25 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Võ Thị Bé T.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Trương Thị Kim N.

Sửa bản án sơ thẩm số 46/2023/DS-ST ngày 14/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Bé T.

Buộc chị Trương Thị Kim N phải trả cho chị Võ Thị Bé T số tiền 158.000.000 đồng (trong đó tiền hụi 110.000.000 đồng và nợ vay 48.000.000 đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Bé T về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn K liên đới cùng chị Trương Thị Kim N trả nợ cho chị Võ Thị Bé T.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí:

3.1 Chị Võ Thị Bé T phải chịu 1.430.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị B1 T không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và phúc thẩm đã nộp tổng cộng 5.766.000 đồng, theo biên lai số 0013409

ngày 06/10/2022, theo biên lai số 0017485 ngày 20/6/2023 và biên lai số 0005662 ngày 28/8/2023, được trừ vào tiền án phí. Chị Bé T còn được nhận lại số tiền 5.466.000 đồng, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

3.2 Chị Trương Thị Kim N phải nộp 7.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị N không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của chị N là 300.000 đồng, theo biên lai số 0005661, ngày 25/8/2023, được trừ vào tiền án phí. Chị N còn phải nộp 7.600.000 đồng tiền án phí, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh ĐT;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Tấn Tặng